

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HS-ST.

Ngày 22/02/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc;

Bà Lê Thị Hạnh Dung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Út, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLST-HS, ngày 02 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 02 năm 2022 đối với:

Bị cáo Phạm Hoàng Đ, sinh năm 1986, nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1956; anh, chị, em ruột gồm: 07 người (kể cả bị cáo, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1997). Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Xấu, ngày 19/11/2019 bị cáo bị Công an xã M, huyện C ra quyết định xử phạt hành vi vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đến nay bị cáo chưa chấp hành nộp phạt, thời hiệu tiền sự đã được xóa. Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 27/9/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng T, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Thái Văn L, sinh ngày 22/01/2006. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho anh Thái Văn L:

- Ông Thái Văn U, sinh năm 1968. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bà Mai Thị Lệ sinh năm 1970. Vắng mặt, không lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp Hòa H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Đào Văn S, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ ngày 31/5/2021, sau khi dự đám tang và đã uống nhiều rượu bị can Phạm Hoàng Đ đi bộ về nhà, trên đường về nhà bị can đi ngang nhà của ông Lê Văn Đ, ngụ ấp H, xã M, huyện C, phát hiện xe mô tô biển số 84E1-069.03, nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, màu đen của ông Đ đang dựng trước sân ngay cửa nhà sau, trên xe có sẵn chìa khóa. Bị can quan sát không thấy người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm xe để cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị can đi đến vị trí xe đang dựng rồi lén lút dẫn xe ra ngoài đường nhựa cách nhà ông Đ khoảng hơn 200 mét mở khóa khởi động xe chạy đến nhà ông Đào Văn S, ngụ ấp M, xã V, huyện C cất giấu ở bụi chuối trước sân nhà ông S.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, bị can đến nhà của Thái Văn L, ngụ ấp H, xã M, huyện C chơi và kể cho L nghe việc lấy trộm xe mô tô của ông Đ, sau đó rủ L đi cầm xe mô tô lấy tiền tiêu xài, L đồng ý. Bị can và L đi bộ đến nhà ông S lấy xe mô tô biển số 84E1- 069.03 mà bị can đã cất giấu trước đó, sau đó L điều khiển xe chở bị can đến nhà bà Trương Thị Đ, ngụ ấp M, xã M, huyện C cầm 2.000.000 đồng, bị can đưa cho L 500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng bị can cất giữ và tiêu xài cá nhân. Vụ việc sau đó được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xác minh làm rõ và thu hồi quản lý xe mô tô trên.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Phạm Hoàng Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và tự nguyện nộp số tiền cầm xe còn lại là 120.000 đồng, đồng thời Thái Văn L cũng tự nguyện nộp số tiền 300.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C quản lý.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 21/KL.HĐĐG ngày 27/8/2021 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị tài sản trong vụ Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 31/5/2021, tại ấp H, xã M, huyện C là xe mô tô biển số 84E1- 069.03, nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, màu đen, đã qua sử dụng có giá trị là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 24/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn ra Lệnh bắt bị can Phạm Hoàng Đ tạm giam về tội trộm cắp tài sản.

Ngày 17/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C quyết định thực nghiệm điều tra, đưa bị can Phạm Hoàng Đ và phương tiện có liên quan đến hiện trường để tiến hành thực nghiệm điều tra, kết quả thực nghiệm hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị can, bị hại và diễn biến vụ án.

Kết quả trích lục tiền án, tiền sự: Bị can Phạm Hoàng Đ chưa có tiền án, nhưng có 01 tiền sự. Tại theo Quyết định số 09 ngày 19/11/2019 của Công an xã M, huyện C ra quyết định xử phạt Phạm Hoàng Đ số tiền 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đến nay bị can chưa nộp tiền phạt, thời hiệu thi hành quyết định đã hết nên tiền sự đã được xóa.

Đối với Thái Văn L ngay từ đầu đã biết rõ xe mô tô biển số 84E1- 069.03 là do bị can phạm tội mà có được nhưng L vẫn đồng ý cùng bị can đem xe đi cầm để lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi của Thái Văn L có dấu hiệu phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Thái Văn L chưa đủ tuổi để truy cứu trách nhiệm hình sự (*chỉ có 15 tuổi 04 tháng 09 ngày*), nên không xử lý.

Đối với bà Trương Thị Đ cầm xe mô tô biển số 84E1- 069.03 do bị can và L đem đến, bà Đ không biết xe mô tô trên là do phạm tội mà có được nên không đề cập xử lý.

Về vật chứng vụ án: Ngày 26/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho bị hại ông Lê Văn Đ 01 xe mô tô biển số 84E1- 069.03, nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, màu đen, đã qua sử dụng. Ngày 16/11/2021 trả cho bà Phạm Thị T nhận 420.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Văn Đ đã nhận lại tài sản bị mất nên ông Đ không yêu cầu bị can bồi thường thêm các khoản phí nào khác. Bà Phạm Thị T (mẹ bị can Đ) cũng không yêu cầu bị can phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng mà bà đã khắc phục bồi thường cho bà Trương Thị Đ.

Tại bản Cáo trạng số: 29/CT-VKS-HS, ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, quyết định truy tố bị can Phạm Hoàng Đ về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hoàng Đ khai nhận: Vào khoảng hơn 04 giờ ngày 31/5/2021, sau khi dự đám tang và đã uống nhiều rượu, bị cáo đi ngang nhà ông Lê Văn Đ, ngụ ấp H, xã M, huyện C, phát hiện thấy trước sân nhà ông Đ có dựng 01 xe mô tô biển số 84E1 069.03, nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, màu đen, trên xe có sẵn chìa khóa nhưng không có người trông coi nên bị cáo lén lút lấy trộm xe đem đi cầm lấy tiền tiêu xài.

Bị cáo thống nhất Bản kết luận định giá tài sản số: 21/KL.HĐĐG ngày 27/8/2021 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị tài sản trong vụ Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 31/5/2021, tại ấp H, xã M, huyện C là xe mô tô biển số 84E1- 069.03, nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, màu đen, đã qua sử dụng có giá trị là 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, mà hoàn toàn thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị hại Lê Văn Đ trình bày: Ngày 31/5/2021 ông dựng xe mô tô biển số 84E1- 069.03, nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, màu đen tại nhà ngụ ấp H, xã M, huyện C thì phát hiện xe bị mất và ông trình báo Công an xử lý. Tại phiên tòa ông thống nhất kết quả định giá xe mô tô biển số 84E1- 069.03 trị giá là 4.500.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự ông đã nhận lại xe mô tô biển số 84E1- 069.03, nay không có yêu cầu gì thêm. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị T trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tác động bà khắc phục hậu quả bồi thường 2.000.000 đồng cho bà Trương Thị Đ. Nay bà thống nhất bồi thường số tiền này, không yêu cầu bị cáo trả lại. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Hà Văn Út đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Văn Đ đã nhận lại xe mô tô biển số 84E1- 069.03 bị mất trộm, nay ông không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra Kiểm sát viên còn buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Hồng T bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất bản Cáo trạng số: 29/CT-VKS-HS, ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang truy tố bị cáo Phạm Hoàng Đ về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật. Trợ giúp viên pháp lý không bào chữa về tội danh và khung hình phạt, mà chỉ đưa ra các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: Bị cáo nhất thời phạm tội, không có ý định từ trước, tài sản bị cáo trộm đã được thu hồi trả cho bị hại nhận xong, quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tích cực tác động bà Phạm Thị T khắc phục hậu quả số tiền 2.000.000 đồng bồi thường cho bà Trương Thị Đ, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử bị cáo mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo Phạm Hoàng Đ nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của ông Lê Văn Đ là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Hoàng Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng hơn 04 giờ ngày 31/5/2021, sau khi dự đám tang và đã uống nhiều rượu, bị cáo đi bộ về nhà, đi ngang nhà ông Lê Văn Đ, ngụ ấp H, xã M, huyện C, phát hiện thấy trước sân nhà ông Đ có dựng 01 xe mô tô biển số 84E1 069.03, nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, màu đen trên xe có sẵn chìa khóa nhưng không có người trông coi nên bị cáo đã lén lút lấy trộm xe mô tô của ông Đ đem đi cầm để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 21/KL.HĐĐG ngày 27/8/2021 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị tài sản trong vụ Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 31/5/2021, tại ấp H, xã M, huyện C là xe mô tô biển số 84E1- 069.03, nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, màu đen, đã qua sử dụng có giá trị là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Bị cáo thống nhất kết luận định giá tài sản.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Hoàng Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền tiêu xài nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân mà không phải lao động nên bị cáo đã bất chấp mọi thủ đoạn, lợi dụng lúc đêm tối, khi thấy xe mô tô biển số 84E1 069.03 của ông Lê Văn Đ đang dựng trước sân nhà, trên xe có sẵn chìa khóa, không có người trông coi, bị cáo đã lén lút lấy trộm xe rồi đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, bị cáo tích cực tác động mẹ ruột bà Phạm Thị T khắc phục hậu quả số tiền 2.000.000 đồng cho bà Trương Thị Đ, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo trộm cắp xe mô tô của ông Lê Văn Đ mục đích để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi đáng lên án, gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động, sản xuất, gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội.

Xét về nhân thân ngày 19/11/2019 bị cáo bị Công an xã M, huyện C ra quyết định xử phạt hành vi vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đến nay bị cáo chưa chấp hành nộp phạt, thời hiệu tiền sự đã được xóa nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải, khắc phục hành vi sai trái, vi phạm pháp luật của mình để làm người công dân tốt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Văn Đ đã nhận lại xe mô tô biển số 84E1- 069.03 bị mất trộm, tại phiên tòa ông Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Hoàng Đ có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Xét lời của Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Hồng T bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho bị cáo là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng Đ 06 (sáu) tháng 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 27 tháng 9 năm 2021.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Hoàng Đ nộp 200.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm